

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HN  
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN TỈNH BÐ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Tố
2. Ông Lương Đình Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ tham gia phiên tòa:** Ông Cao Đức Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Khánh L, sinh năm 1984(CM)

Địa chỉ: Khu phố NA, phường HH, thị xã HN, tỉnh BÐ

2. Bị đơn: Bà Võ Thị K, sinh năm 1961(VM)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BÐ

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hải N, sinh năm 1988(VM)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BÐ

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn chị L, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Bà Võ Thị K có mượn của chị L số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 03/7/2013 (Âm Lịch) để mua bán cá. Sau đó nhiều lần chị L yêu cầu trả nợ nhưng bà K không trả. Nay chị L yêu cầu tòa giải quyết buộc bà K phải hoàn trả số tiền nói trên. Chị L không yêu cầu lãi suất.

- Theo bản tự khai của bị đơn bà K như sau: Bà K thừa nhận có mượn của chị L số tiền 150.000.000 đồng như chị L trình bày. Nhưng đây là số tiền bà mượn cho con dâu là chị N làm ăn chứ không phải mượn riêng cho bà. Do vậy, chị L yêu cầu trả nợ bà không đồng ý.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BD: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm vì để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị L buộc bà K phải trả chị L số tiền 150.000.000 đồng; án phí bà K phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà K thừa nhận có vay tiền của chị L vào ngày 03/7/2013 âm lịch, với số tiền là 150.000.000 đồng. Bà K có viết giấy nợ cho chị L làm bằng chứng. Giấy nợ này là chứng cứ thể hiện việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên là có thật.

[2] Bà K cho rằng số tiền nợ 150.000.000 đồng là mượn cho con dâu là chị N làm ăn và đã được cộng dồn vào khoản nợ 450.000.000 đồng mà chị N hiện nay còn nợ chị L. Tuy nhiên, lời trình bày này không được chị L thừa nhận, bà K cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà K cho rằng chỉ mượn giúp số tiền 150.000.000 đồng cho chị N.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa chị L và bà K là hợp đồng vay có thời hạn, trong đó hạn cuối cùng phải trả nợ là ngày 03/7/2014. Do vậy, số tiền chị L cho bà K vay là tài sản mà chị L bị thiệt hại trong quá trình làm ăn, do đó chị L có quyền đòi lại số tiền 150.000.000 đồng mà mình cho bà K mượn.

[4] Từ những nhận định nói trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hiện nay bà K có nợ chị L số tiền 150.000.000 đồng. Buộc bà K phải có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng

mặt. Đồng thời, chị N đã tự ý từ bỏ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thể hiện ý thức, thái độ thiếu tôn trọng pháp luật; không có ý kiến, trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên chị N phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của chị L được chấp nhận nên bà K phải nộp án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà K là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên được xét miễn nộp.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Khánh L. Buộc bà Võ Thị K trả cho chị L số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, không yêu cầu bà K trả lãi suất.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K được miễn nộp.

Hoàn trả chi chị L 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0007996 ngày 04/6/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

3/ Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Vương**